Chi tiết mã HS 3507.90.00

Mã HS	3507.90.00
Mô tả hàng hóa	Enzym; enzym đã chế biến chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác / - Loại khác
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	09/11/2026 13:05:30
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/35079000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5166
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5166
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5166
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5046
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5007
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5007
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5007
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5007
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5007
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5007
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5051
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5051

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5051
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5051
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5051
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5051
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5049
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5049
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5049
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5049
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5049
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5049
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5049
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5013
AIFTA	30/12/2022	2022	5	AI!F5009
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	5	AI!G5009
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	5	AI!H5009
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	5	AI!I5009
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	5	AI!J5009
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	5	AI!K5009
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5018
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5018
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5018
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5018
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5018
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5018
VCFTA	2022	2022	3	VC!D5056
VCFTA	2023	2023	3	VC!E5056

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5056
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5056
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5056
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5056
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5053
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5053
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5053
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5053
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5053
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5053
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5061
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5061
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5061
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5061
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5061
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5061
EVFTA	2022	2022	1,5	EV-NK!D5032
EVFTA	2023	2023	1	EV-NK!E5032
EVFTA	2024	2024	0,5	EV-NK!F5032
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5032
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5032
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5032
UKVFTA	2022	2022	1,5	UKV!D5034
UKVFTA	2023	2023	1	UKV!E5034
UKVFTA	2024	2024	0,5	UKV!F5034
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5034

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5034
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5034
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5032
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5032
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5032
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5032
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5032
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5032
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5032
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5053
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5053
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5053
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5053
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5053
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5053
RCEP B	2022	2022	0	B!D5053
RCEP B	2023	2023	0	B!E5053
RCEP B	2024	2024	0	B!F5053
RCEP B	2025	2025	0	B!G5053
RCEP B	2026	2026	0	B!H5053
RCEP B	2027	2027	0	B!I5053
RCEP C	2022	2022	0	C!D5053
RCEP C	2023	2023	0	C!E5053
RCEP C	2024	2024	0	C!F5053
RCEP C	2025	2025	0	C!G5053
RCEP C	2026	2026	0	C!H5053

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I5053
RCEP D	2022	2022	0	D!D5053
RCEP D	2023	2023	0	D!E5053
RCEP D	2024	2024	0	D!F5053
RCEP D	2025	2025	0	D!G5053
RCEP D	2026	2026	0	D!H5053
RCEP D	2027	2027	0	D!I5053
RCEP E	2022	2022	0	E!D5056
RCEP E	2023	2023	0	E!E5056
RCEP E	2024	2024	0	E!F5056
RCEP E	2025	2025	0	E!G5056
RCEP E	2026	2026	0	E!H5056
RCEP E	2027	2027	0	E!I5056
RCEP F	2022	2022	0	F!D5053
RCEP F	2023	2023	0	F!E5053
RCEP F	2024	2024	0	F!F5053
RCEP F	2025	2025	0	F!G5053
RCEP F	2026	2026	0	F!H5053
RCEP F	2027	2027	0	F!I5053
VIFTA	2024	2024	2	VI!F4657
VIFTA	2025	2025	1	VI!G4657
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4657
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4657

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Thực phẩm, phụ gia thực phẩm và bao gói, dụng cụ chưa đựng (15/2024/TT-BYT)		15/2024/TT-BYT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AIFTA 5%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (3%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 3%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3507.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 3507.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5166), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng

Thực phẩm, phụ gia thực phẩm và bao gói, dụng cụ chưa đựng (15/2024/TT-BYT)
NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)
NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.